

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **60/2026/DSST**

Ngày 08/6/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm Sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 387, tổ 2, ấp Tàu Hoir A, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Chị **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Tàu Hoir A, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 268, tổ 6, ấp Tàu Hoir B, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa, bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N có tên thường gọi là Bảy H1 (gọi theo tên chồng bà). Bà và bà Huỳnh Thị H là chỗ xóm giềng nên từ đó quen biết nhau nên bà đã cho bà H mượn tiền và vàng nhiều lần với mục đích là để bà H làm ăn, cụ thể như sau:

Vào ngày 08/4/2020 dương lịch cho bà Huỳnh Thị H mượn 01 (một) chỉ vàng 24k.

Vào ngày 25/04/2020 dương lịch bà H tiếp tục mượn thêm 01 (một) chỉ vàng 24k.

Vào ngày 19/05/2020 dương lịch bà H vay thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Vào ngày 20/11/2020 dương lịch bà H vay thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Vào ngày 07/12/2020 dương lịch bà H vay thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

Vào ngày 25/3/2021 dương lịch bà H vay thêm 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) mục đích là để bà H làm ăn.

Vào ngày 04/05/2021 dương lịch bà H tiếp tục mượn thêm 01 (một) chỉ vàng 24k

Vào ngày 15/06/2021 dương lịch bà H tiếp tục mượn thêm 02 (hai) chỉ vàng 24k

Vào ngày 23/10/2021 dương lịch bà H tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Vào ngày 25/12/2021 bà H dương lịch tiếp tục vay thêm 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Tổng cộng bà N cho bà H mượn 05 chỉ vàng 24k loại vàng nhẫn và cho vay số tiền 110.000.000 đồng. Khi đó bà N có nhờ con cháu bà viết biên nhận và bà H có ký tên vào biên nhận, hai bên có thoả thuận (qua lời nói) lãi suất là 3%/tháng nhưng thực tế từ khi mượn vàng và vay tiền cho đến nay thì bà H vẫn chưa đóng lãi được lần nào. Khi đó các bên thoả thuận (qua lời nói) cách trả là khi nào bà N cần thì cứ báo trước 1 tuần thì bà H sẽ trả nhưng đến khi bà N cần và yêu cầu bà H trả thì bà H cứ hẹn lần này đến lần khác, cố tình không trả vàng và số tiền trên của bà N. Tổng cộng bà H đã mượn của bà N: 5 chỉ vàng và 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà N một lần 5 chỉ vàng 24K và số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), đồng thời yêu cầu tính lãi của số tiền vay 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) theo quy định của pháp luật từ ngày 19/5/2022 đến khi xét xử.

Tại phiên toà, đại diện của nguyên đơn là chị Trần Thị Trúc L yêu cầu:

Buộc bà H trả cho bà N 5 chỉ vàng 24K và số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) trong một lần, đồng thời yêu cầu tính lãi của số tiền vay 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện (ngày 24/11/2025) cho đến ngày xét xử (ngày 08/6/2026).

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.***

**** Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2026 Ban lãnh đạo ấp Tàu Hoir B, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang trình bày:***

Ban lãnh đạo ấp Tàu Hoir B, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang cho biết: đương sự Huỳnh Thị H, sinh năm 1972, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tàu Hoir B, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương, đi đâu nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu buộc bà Huỳnh Thị H trả một lần 5 chỉ vàng 24K và số tiền vay 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị N.

Về tiền lãi: Đề nghị HĐXX xem xét tính lãi đối với số tiền vay gốc là: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện (ngày 24/11/2025) cho đến ngày xét xử (ngày 08/6/2026).

Về án phí: buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Huỳnh Thị H có nơi cư trú tại tổ 6, ấp Tàu Hoi B, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Toà án đã niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn bà Huỳnh Thị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do, do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả một lần 5 chỉ vàng 24K và số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị N, đồng thời yêu cầu tính lãi của số tiền vay 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) theo quy định của pháp luật từ ngày 19/5/2022 đến khi xét xử. theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện (ngày 24/11/2025) cho đến ngày xét xử (ngày 08/6/2026).

Hội đồng xét xử xét: Dựa trên các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: bản gốc các *biên nhận* vào các ngày: 08/4/2020 dl, 25/4/2020 dl, 04/5/2021 dl, 15/6/2021 dl (viết tay) có chữ ký của bà Huỳnh Thị H với nội dung thể hiện việc bà H có vay của bà N nhiều lần tổng cộng 05 (năm) chỉ vàng 24K loại vàng nhẫn và các *biên nhận* vào ngày: 19/5/2020 dl, 20/11/2020 dl, 07/12/2020 dl, 25/3/2021 dl, 23/10/2021 dl, 25/12/2021 dl (viết tay) có chữ ký của bà Huỳnh Thị H với nội dung thể hiện việc bà H có vay của bà N nhiều lần tổng cộng là 110.000.000 đồng. Đối với bà H mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ: *Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ* cho bà H nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do mà không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do đó xem như bị đơn từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định bà H còn nợ bà N 05 (năm) chỉ vàng 24K loại vàng nhẫn và số tiền 110.000.000 đồng.

Về tiền lãi: nguyên đơn bà N không yêu cầu tính lãi đối với 05 chỉ vàng 24k, chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc là 110.000.000 đồng từ ngày khởi kiện (ngày 24/11/2025) cho đến ngày xét xử (ngày 08/6/2026).

Hội đồng xét xử xét: Mặc dù bà N trình bày rằng khi cho vay hai bên có thoả thuận tiền lãi là 3%/tháng nhưng bà H vắng mặt và không có ý kiến trình bày nên không có cơ sở xác định rõ lãi suất giữa hai bên đã thoả thuận, đồng thời tại phiên toà người đại diện của bà N xác định rằng bà H chưa trả tiền lãi cho bà N và bà N chỉ yêu cầu bà H trả cho bà N khoản tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24/11/2025 đến ngày 08/6/2026 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó tiền lãi được tính như sau: $110.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} = 5.500.000 \text{ đồng}$; như vậy tổng cộng số tiền gốc lãi mà bà H phải trả cho bà N là $110.000.000 \text{ đồng} + 5.500.000 \text{ đồng} = 115.500.000 \text{ đồng}$ và 05 chỉ vàng 24k loại vàng nhẫn.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên buộc bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tại thời điểm xét xử (ngày 08/6/2026) giá vàng 24k loại vàng nhẫn là 13.690.000 đồng/chỉ $\times$ 05 chỉ vàng = 68.450.000 đồng. Do đó bị đơn bà H phải chịu án phí với số tiền: $68.450.000 \text{ đồng} + 115.500.000 \text{ đồng} = 183.950.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.197.500 \text{ đồng}$, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí và được nhận lại 4.563.000đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011226 ngày 09/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N 05 (năm) chỉ vàng 24k loại vàng nhẫn và **115.500.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng)**.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Địa điểm giao nhận tiền tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Bị đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí với số tiền **9.197.500đ (Chín triệu một trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng)**.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí và được nhận lại 4.563.000đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011226 ngày 09/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh